

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 11A

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 11A

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Lê Hiếu Hạnh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Huỳnh Thị Hồng Thủy	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Phạm Phi Dũng	Văn thư	Thư ký hội đồng	
5	Nguyễn Thị Thu Lan	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
7	Phạm Thị Trúc Phương	Tổ trưởng chuyên môn nhóm Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Thùy An	Tổ trưởng chuyên môn khối mẫu giáo 3-4 tuổi	Ủy viên hội đồng	
9	Dương Thị Diên	Tổ trưởng chuyên môn khối mẫu giáo 4-5 tuổi-Chủ tịch Công Đoàn	Ủy viên hội đồng	
10	Huỳnh Như	Tổ trưởng chuyên môn khối mẫu giáo 5-6 tuổi	Ủy viên hội đồng	
11	Lâm Bửu Trân	Kế toán	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	17
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	34
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	36
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	38
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	41

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	47
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	47
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	50
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị	52
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	54
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	56
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	60
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	61
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân của nhà trường	63
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	65
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	66
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	69
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	71
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	76
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	77
Phần IV. PHỤ LỤC	1-8

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	

Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x		
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x		
Tiêu chí 5.4		x	x	

Kết quả: đạt Mức 2

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Mầm non 11A.

Tên trước đây (nếu có): Nhà trẻ Hoa Phượng 11, Mẫu giáo Phân hiệu và Mẫu giáo Măng non 11.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh
Huyện/quận /thị xã/thành phố	Quận Bình Thạnh
Xã/phường/thị trấn	Phường 11
Đạt chuẩn quốc gia	Không
Năm thành lập trường (theo Quyết định thành lập)	Quyết định số 1141/QĐ-UB ngày 02 tháng 8 năm 1997.
Công lập	X
Tư thục	Không
Dân lập	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không

Họ và tên hiệu trưởng	
Điện thoại	028.35153157
Fax	Không
Website	http://mn11abinhthanh.hcm.edu.vn
Số điểm trường	02
Loại hình khác	Không
Thuộc vùng khó khăn	Không
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi	03	03	03	03	03
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	03	03	03	03	03
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	03	03	03	03	03
Cộng	12	12	12	12	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	12	12	12	12	12
1	Phòng kiên	12	12	12	12	12

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
	cố					
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00
II	Khối phòng phục vụ học tập	02	02	02	02	02
1	Phòng kiên cố	02	02	02	02	02
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00
III	Khối phòng hành chính quản trị	06	06	06	06	06
1	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00
IV	Khối phòng tổ chức ăn	01	01	01	01	01
1	Nhà bếp	01	01	01	01	01
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác	00	00	00	00	00

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
	(nếu có)					
1	Phòng dành cho nhân viên	00	00	00	00	00
2	Nhà kho	00	00	00	00	00
	Cộng	21	21	21	21	21

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (Tháng 5 năm 2023):

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	Kinh	00	00	01	
Phó Hiệu trưởng	02	02	Kinh	00	00	02	
Giáo viên	24	24	Kinh (23), Mường (01)	00	03	21	
Nhân viên	09	06	Kinh (08), Hoa (01)	03	06	00	
Cộng	36	33	02	03	09	24	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2024-2025
----	---------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

1	Tổng số giáo viên	24	24	24	21	24
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	$44/6 = 7,3$	$65/6 = 10,8$	$47/6 = 7,8$	$71/6 = 11,8$	$63/6 = 110,5$
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	$212/18 = 11,8$	$210/18 = 11,7$	$166/18 = 9,2$	$196/15 = 13,1$	$196/18 = 10,6$
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp	23	23	23	20	20

	trường					
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp Quận	04	04	02	03	03
	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số trẻ em	256	275	213	261	255
	- Nữ	129	136	95	117	113
	- Dân tộc thiểu số	02 (Tày)	04 (Tày, Mường)	03 (Tày, Hoa)	04 (Hoa)	04 (Hoa)
2	Đối tượng chính sách	02	03	03	02	02
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00
4	Tuyển mới	129	123	63	115	86
5	Học 2 buổi/ngày	256	275	212	267	255
6	Bán trú	256	275	212	267	255
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	$212/9= 23,6$	$210/9= 23,3$	$166/9= 18,4$	$196/9= 21,7$	$192= 21,3$
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	$44/3= 14,7$	$65/3= 21,7$	$47/3= 15,6$	$71/3= 23,6$	$63/3= 21$

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	14	18	07	19	16
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	30	47	40	52	48
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	55	64	50	55	55
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	56	70	48	68	58
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	101	76	68	73	64
9	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	69

5. Các số liệu khác (nếu có): Không.

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non 11A tọa lạc trên địa bàn Phường 11 quận Bình Thạnh. Trường được thành lập theo Quyết định số 1141/QĐ-UB ngày 02 tháng 8 năm 1997 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp. Trường có hai cơ sở cùng đóng trên địa bàn Phường 11, quận Bình Thạnh, cụ thể: Cơ sở 1 tại 474 Lê Quang Định với diện tích 828.00m² và Cơ sở 2 tại 78 Nguyễn Hồng với diện tích 714,50m². Hai cơ sở được xây dựng gồm 12 phòng học, 02 phòng chức năng, có đầy đủ trang thiết bị đáp ứng công tác chăm sóc - giáo dục trẻ theo yêu cầu của Điều lệ trường mầm non.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Nhà trường nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, Ủy ban nhân dân Phường 11; sự kết hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trong những năm qua Trường Mầm non 11A đã từng bước nỗ lực đầu tư nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; tạo được uy tín đối với lãnh đạo, các bậc cha mẹ trẻ em và nhân dân địa phương. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đồng đều về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm. Qua quá trình nỗ lực của tập thể, nhà trường đã được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc; Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong giai đoạn hiện nay, với xu hướng hội nhập quốc tế, đòi hỏi mỗi cơ sở giáo dục phải xác định cụ thể các tiêu chí phấn đấu, nhằm đảm bảo yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục, Trường Mầm non 11A tự xem xét, kiểm tra, dựa trên nguyên tắc độc lập, khách quan và đánh giá trung thực, công khai, minh bạch nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục

trẻ, thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Căn cứ Kế hoạch cải tiến chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, Trường Mầm non 11A tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của tự đánh giá là nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý chất lượng dạy và học, nhằm giúp nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí để xây dựng kế hoạch cải tiến, các biện pháp và không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Ngày 01 tháng 10 năm 2024: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Họp hội đồng trường cùng thảo luận về mục đích, phạm vi và xác định các thành viên của hội đồng kiểm định chất lượng nhà trường; Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá của trường.

3.2. Ngày 01 tháng 10 năm 2024: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá và phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể giáo viên, nhân viên của nhà trường. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng tự đánh giá.

3.3. Ngày 04 tháng 10 năm 2024: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá. Thảo luận về những vấn đề nảy sinh và xác định những thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung. Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của từng tiêu chí để lấy ý kiến góp ý. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

3.4. Ngày 08 tháng 10 năm 2024: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. Hội đồng tự đánh giá đề thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa. Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

3.5. Ngày 11 tháng 5 năm 2024: Viết báo cáo tự đánh giá.

Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá.

3.6. Ngày 25 tháng 5 năm 2024: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường. Nộp báo cáo tự đánh giá.

3.7. Ngày 30 tháng 5 năm 2024: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu:

Nhận thức rõ tầm quan trọng của phát triển giáo dục mầm non, Trường Mầm non 11A xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục mầm non tầm nhìn đến năm 2025 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển. Trường Mầm non 11A có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định, quản lý các hoạt động giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác quản lý tài chính, tài sản theo quy định Nhà nước, đảm bảo an ninh, trật tự cho trẻ và đội ngũ. Các tổ chức đoàn thể và khối tổ trong nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ, các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn đáp ứng yêu cầu của Điều lệ trường mầm non.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng Kế hoạch chiến lược và phát triển Trường Mầm non 11A giai đoạn (2019-2025) phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục: Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo đó, nhà trường định hướng mục tiêu chiến lược theo Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Phường 11 lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020-2025 về phát triển giáo dục và đào tạo, xây dựng xã hội học tập và có sự tham gia của các nguồn lực như: tập thể cán bộ công chức, viên chức, cha mẹ trẻ, cơ sở vật chất; giúp nhà trường thực hiện các giải pháp chủ yếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, là cơ sở

quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch chỉ đạo của Hội đồng trường và hoạt động của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thực hiện bằng Kế hoạch số 154a/KH-MN11A ngày 05 tháng 11 năm 2020 và được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công khai phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong biên bản họp Hội đồng sư phạm [H1-1.1-02] và được công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng tin nội bộ, trên trang web và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường cụ thể hóa phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển vào kế hoạch năm, tháng, tuần và có các giải pháp, giám sát thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cụ thể: Thực hiện sơ kết, tổng kết năm học; kiểm tra đánh giá việc thực hiện công tác chính trị, tư tưởng; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác để nâng cao chất lượng chuyên môn, quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường; phân công trách nhiệm cho từng thành viên giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược của nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất, phân loại đồ dùng, đồ chơi để có kế hoạch sửa chữa hoặc mua sắm thay thế, bảo đảm đủ đồ dùng, đồ chơi. Tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo tăng cường đầu tư tu sửa cơ sở vật chất, tuy nhiên có một vài hạng mục chưa khả thi về cải tạo sân chơi cho trẻ và cải tạo phòng Hiệu trưởng và phòng Tài vụ ở cơ sở 1 khó thực hiện.

Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-04], nhưng chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2025 phù hợp phù hợp mục tiêu giáo dục mầm non, phù hợp với thực tiễn địa phương, trường, lớp, được phê duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh. Nhà trường có thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược theo từng năm

3. Điểm yếu

Các biện pháp đề ra nhằm điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng cùng hai Phó Hiệu trưởng sẽ đề ra những biện pháp để thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược giai đoạn 2019-2025. Thực hiện triển khai trong cuộc họp của Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm và triển khai cho phụ huynh học sinh của nhà trường vào cuộc họp sơ kết năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng Trường Mầm non 11A có cơ cấu tổ chức bộ máy và thành lập các hội đồng theo Điều lệ trường mầm non: Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2023 được thành lập theo Quyết định của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình

Thanh. Hội đồng Trường gồm có 11 thành viên: Phó Bí thư chi bộ, cán bộ quản lý, Phó Chủ tịch Phường 11, Trưởng ban đại diện cha mẹ trẻ, tổ trưởng tổ Văn phòng, 4 tổ trưởng tổ chuyên môn, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.2-01]; Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng ban hành quyết định vào đầu mỗi năm học [H1-1.2-02]; Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến do Trường phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh chuẩn y theo đề nghị của Hiệu trưởng [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường do Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập [H1-1.2-04].

b) Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Điều lệ trường mầm non (Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) như: Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua các nghị quyết tập thể tại các cuộc họp của Hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi các nhiệm vụ đã được quy định và tổ chức họp thường kỳ 03 lần/năm [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập và xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo từng học kỳ, năm học [H1-1.2-02]. Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng đánh giá các sáng kiến cải tiến, phát hiện các sáng kiến có giá trị, thiết thực để ứng dụng vào việc đổi mới phương pháp quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị [H1-1.2-03]. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường dự giờ các hoạt động được quy định theo Chương trình giáo dục mầm non nhằm khuyến khích động viên giáo viên học hỏi, trao đổi, truyền đạt, phổ biến kinh nghiệm giảng dạy và sử dụng đồ dùng dạy học trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ. Công tác công khai quyết định thành lập Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi chưa kịp thời và chưa được thể hiện trong biên bản họp Hội đồng sư phạm [H1-1.2-04].

c) Hoạt động của các hội đồng được nhà trường định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện thông qua các cuộc họp, cụ thể: Hội đồng trường họp ít nhất 03 lần/năm học [H1-1.2-01]; Hội đồng thi đua khen thưởng họp 02

lần/tháng và cuối năm học [H1-1.2-02]; Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm họp 01 lần/năm học [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường họp 01 lần/năm học [H1-1.2-04]; Hội đồng sư phạm nhà trường họp 01 lần/tháng [H1-1.1-02].

Mức 2:

Các Hội đồng hoạt động có hiệu quả, thiết thực, thực hiện đúng theo các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhà trường. Tất cả các cuộc họp ở các hội đồng đều có ghi lại những nội dung nhận xét, đánh giá hiệu quả hoạt động của hội đồng thể hiện qua biên bản họp hội đồng [H1-1.2-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ Hội đồng trường và các hội đồng khác. Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu

Các thành viên trong Hội đồng trường chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác phối hợp và kiểm tra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi, tổ chức công khai cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong thời hạn 3 ngày sau khi ban hành Quyết định và ghi nhận đầy đủ vào biên bản họp Hội đồng sư phạm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định, tổ chức Công đoàn cơ sở có 35 công đoàn viên tham gia sinh hoạt. Ban chấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022 gồm 03 đồng chí, được thành lập theo Quyết định của Công đoàn Giáo dục quận Bình Thạnh [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 09 đoàn viên tham gia sinh hoạt [H1-1.3-02]. Chi hội Chữ thập đỏ Trường Mầm non 11A gồm có 35 hội viên tham gia các hoạt động theo Điều lệ hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-03]. Chi hội khuyến học Trường Mầm non 11A được Hội khuyến học Phường 11 ban hành Quyết định có 35 hội viên, trong đó Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục là Chi hội trưởng [H1-1.3-04]. Các tổ chức đoàn thể được thành lập và hoạt động theo Nghị quyết của Đại hội.

b) Công đoàn tổ chức các hoạt động phong trào và vận động đoàn viên công đoàn tham gia các phong trào thi đua của đơn vị và cấp trên, công đoàn xây dựng hệ thống quy chế và tổ chức hoạt động bằng quy chế [H1-1.3-01]. Chi đoàn Thanh niên hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, vận động, giáo dục rèn luyện đoàn viên thanh niên, tổ chức phát động và tham gia các hoạt

động phong trào của cấp trên [H1-1.3-02]. Chi hội Chữ thập đỏ thực hiện hoặc phối hợp với tổ chức, cá nhân thực hiện về cứu trợ và trợ giúp nhân đạo; chăm sóc sức khỏe; sơ cấp cứu ban đầu; hiến máu nhân đạo; tuyên truyền các giá trị nhân đạo; tham gia phòng ngừa, ứng phó thảm họa...[H1-1.3-03]. Chi hội Khuyến học vận động hội viên tham gia học tập suốt đời, nuôi heo đất khuyến học, xây dựng đơn vị học tập, gia đình học tập, cộng đồng học tập..., xây dựng quỹ khuyến học khuyến tài, hỗ trợ trẻ em nghèo hiếu học [H1-1.3-04].

c) Các tổ chức đoàn thể thực hiện rà soát, đánh giá mỗi tháng 01 lần theo hoạt động và nghị quyết của Đại hội và trên cơ sở đó xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch cho năm tiếp theo [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Mầm non 11A thuộc Đảng bộ Phường 11 quận Bình Thạnh được thành lập theo Quyết định số 74-QĐ/ĐU [H1-1.3-05], hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam. Chi bộ có 12 đảng viên, chiếm tỉ lệ 34,28% của toàn trường. Các đảng viên thực hiện nhiệm vụ được phân công theo nghị quyết Đại hội Chi bộ. Trong 05 năm liền kể Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Công đoàn, Chi đoàn, Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học có đóng góp tích cực, trong năm 2022 được đánh giá Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01]; Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-02]; Chi hội Chữ thập đỏ đạt thành tích tốt trong phong trào [H1-1.3-03]. Chi hội khuyến học được biểu dương hoàn thành tốt trong công tác hội [H1-1.3-04].

Tuy nhiên, Đoàn viên công đoàn của trường nhà xa, con nhỏ nên tham gia phong trào đoàn thể còn nhiều hạn chế.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá, Chi bộ Trường Mầm non 11A đạt Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Vận động đóng góp tích cực cho cộng đồng, công tác

từ thiện giúp đỡ các trẻ em nghèo, hoàn cảnh khó khăn, thăm các trung tâm cộng đồng cần giúp đỡ, hiến máu nhân đạo, tham gia giữ gìn trật tự, an ninh xã hội [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức đoàn thể và tổ chức khác, được rà soát đánh giá định kỳ, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Đoàn viên công đoàn còn hạn chế tham gia phong trào đoàn thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm tiếp theo Chủ tịch công đoàn, Bí thư chi đoàn sẽ phân công các đoàn viên công đoàn tham gia phong trào vào các ngày làm việc.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non 11A có đầy đủ : 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng: Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục, Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng [H1-1.4-01].

b) Trường Mầm non 11A có 02 tổ: Tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Tổ chuyên môn gồm: khối nhà trẻ 19-36 tháng (có 06 giáo viên); khối 3-4 tuổi (có 06 giáo viên); khối 4-5 tuổi (có 06 giáo viên); khối 5-6 tuổi (có 06 giáo viên); tổ cấp dưỡng (có 04 cấp dưỡng). Tổ Văn phòng gồm có: 01 kế toán, 01 văn thư, 01 nhân viên phục vụ, 02 bảo vệ. Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng được phân công hỗ trợ quản lý thực hiện các chỉ đạo chuyên môn [H1-1.4-02].

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định: Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng nhằm thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, tổ chức sinh hoạt định kỳ 02 tuần 01 lần: Bồi dưỡng chuyên môn, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-03]. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên [H1-1.4-04]; Các thành viên của tổ chuyên môn và tổ văn phòng tham gia đánh giá, xếp loại hằng năm [H1-1.4-05]. Tổ văn phòng giúp Hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-06]. Tuy nhiên nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn chưa phong phú, chưa đi sâu vào hình thức tổ chức dạy học.

Mức 2:

a) Hằng năm, dựa vào các chuyên đề trọng tâm của nhà trường, tổ chuyên môn đề xuất ít nhất 01 chuyên đề còn hạn chế; thực hiện thao giảng chuyên đề theo sự phân công của cán bộ quản lý và áp dụng đại trà ở tất cả các lớp nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục như “Đổi mới tổ chức bữa ăn cho trẻ mẫu giáo”, “Đổi mới hoạt động tạo hình cho trẻ trong trường mầm non”; “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động của trẻ trong trường mầm non” [H1-1.4-03]; [H1-1.4-07].

b) Hằng tháng, tổ chuyên môn họp định kỳ 02 lần 01 tháng để kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục; tổ văn phòng họp mỗi tháng 01 lần [H1-1.4-03].

Mức 3:

a) Thông qua các buổi họp của tổ chuyên môn và tổ văn phòng, các thành viên trong tổ đưa ra các biện pháp trong việc thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các tổ có đưa ra các ý kiến đề xuất trong buổi họp giúp nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường, tuy nhiên chưa đạt kết quả cao [H1-1.4-03].

b) Các thành viên trong tổ chuyên môn có đầu tư tiết học và hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn như chuyên đề “Đổi mới tổ chức bữa ăn cho trẻ mẫu giáo”, “Đổi mới hoạt động tạo hình cho trẻ trong trường mầm non”; “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động của trẻ trong trường mầm non” theo kế hoạch của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện các lĩnh vực [H1-1.4-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các tổ có xây dựng kế hoạch năm, tháng; thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt tổ văn phòng chưa phong phú, chưa mạnh dạn nêu ý kiến góp phần nâng cao chuyên môn cho từng cá nhân trong tổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm tiếp theo, Hiệu trưởng thường xuyên tham gia sinh hoạt tổ văn phòng nhằm gợi ý, hướng dẫn và khuyến khích nhân viên mạnh dạn đưa ra các ý kiến đề xuất, những khó khăn trong quá trình thực hiện để tìm ra biện pháp khắc phục nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện phân chia trẻ theo độ tuổi đúng quy định, cụ thể: 01 nhóm 19-24 tháng, 02 nhóm 25-36 tháng; 03 lớp 3-4 tuổi; 03 lớp 4-5 tuổi; 03 lớp 5-6 tuổi [H1-1.5-01]. Năm học 2021-2022, Trường Mầm non 11A có tổng số học sinh là 213 trẻ, được chia thành 12 nhóm lớp.

b) 100% trẻ ở các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học bán trú tại trường [H1-1.5-02].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.5-01].

Mức 2:

Nhà trường có số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi [H1-1.5-01]. Tuy nhiên do tình hình sau dịch bệnh Covid-19 nên cha mẹ trẻ chưa đưa trẻ ra lớp theo chỉ tiêu nhà trường được giao.

Mức 3:

Nhà trường có 12 nhóm, lớp trong đó: 03 nhóm nhà trẻ và 09 lớp mẫu giáo không vượt quá số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trẻ được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Do tình hình sau dịch bệnh Covid-19 nên tình hình trẻ đến lớp không đúng chỉ tiêu theo kế hoạch tuyển sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm tiếp theo Hiệu trưởng chỉ đạo 2 Phó Hiệu trưởng tiếp tục phân chia trẻ theo độ tuổi, trang bị đồ dùng đồ chơi, tạo môi trường hoạt động đảm bảo cho trẻ được học bán trú nhằm phát huy tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hiệu trưởng lên kế hoạch tuyển sinh để đảm bảo số trẻ trong các nhóm, lớp theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường bao gồm Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01]; Hồ sơ công văn đi, công văn đến [H1-1.6-01]; Hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.6-02]; Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-03]; Hồ sơ quản lý chuyên môn [H1-1.6-04], được lưu trữ đầy đủ và khoa học theo quy định của Luật Lưu trữ. Tuy nhiên chưa có khu vực để làm nơi lưu trữ hồ sơ các năm.

b) Hằng năm, vào tháng 12 của năm nhà trường có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định; hằng tháng có công khai và tự kiểm tra tài chính [H1-1.6-02]; Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng, bổ sung vào tháng 01 đầu năm, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-05].

c) Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích và theo quy định của Phòng Tài chính; sử dụng tài sản có hiệu quả phục vụ cho các hoạt động giáo dục. Thực hiện thu, chi, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm kê đúng thời gian quy định [H1-1.6-02]. Tổ chức kiểm kê tài sản các lớp, bộ phận và ghi nhận vào sổ quản lý tài sản. Hằng năm, trường có xây dựng kế hoạch mua sắm tài sản, bảo quản cơ sở vật chất, trang bị, bổ sung các đồ dùng đồ chơi theo quy định.

Mức 2:

a) Nhà trường có trang bị đầy đủ các phần mềm quản lý và Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Cổng thông tin điện tử, mạng thông tin nội bộ, phần mềm bán trú [H1-1.1-03]; [H1-1.6-06].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tập thể Trường Mầm non 11A không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý tốt hành chính, tài chính, tài sản theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Chưa có khu vực để làm nơi lưu trữ hồ sơ các năm

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ cải tạo một khu vực để làm nơi lưu trữ hồ sơ và sắp xếp cho gọn. Sử dụng đúng mục đích và phát huy hiệu quả công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn, chính trị, đạo đức nhà giáo và các loại chứng chỉ

như: đại học sư phạm mầm non, chứng chỉ thăng hạng, bồi dưỡng ngạch chuyên viên, lớp đào tạo bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng, lớp bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn, lớp trung cấp kỹ thuật nấu ăn, lớp sơ cấp, trung cấp lý luận chính trị để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-04]; [H1-1.7-01].

b) Đầu năm học, nhà trường phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo trình độ chuyên môn, năng lực từng cá nhân nhằm đảm bảo hiệu quả công việc trong các hoạt động được quy định tại Điều 30, Điều lệ trường mầm non [H1-1.6-03].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền nâng cao trình độ chuyên môn, được hưởng các chế độ chính sách, được bảo vệ nhân phẩm theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ trường mầm non [H1-1.6-05].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp để phát huy tốt năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, cán bộ quản lý nắm năng lực trình độ chuyên môn của từng người từ đó đưa ra kế hoạch bồi dưỡng nhân viên nấu ăn tính khẩu phần dinh dưỡng và chế biến món ăn, qua dự giờ thực tế các lớp [H1-1.7-02]. Bên cạnh đó, Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục bồi dưỡng, phát huy năng lực của giáo viên thông qua các Hội thi Giáo viên giỏi Chu Văn An, giáo viên giỏi cấp quận, cấp trường nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn trong nhà trường [H1-1.2-04]. Tuy nhiên một số giáo viên chưa mạnh dạn sáng tạo trong hoạt động chuyên môn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa mạnh dạn sáng tạo trong hoạt động chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng tham gia sinh hoạt với các tổ đề bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, gợi ý, cung cấp tài liệu để các tổ nghiên cứu sâu những vấn đề chưa rõ nhằm làm phong phú thêm nội dung sinh hoạt tổ. Bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên giỏi cấp trường về lý thuyết, kỹ năng thuyết trình và thực hành bằng hình thức trực tuyến

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non theo quy định. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục chỉ đạo giáo viên kịp thời và có hiệu quả trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và trường, lớp [H1-1.8-01].

b) Giáo viên thực hiện đầy đủ các nội dung theo kế hoạch giáo dục trong việc tổ chức các hoạt động hằng ngày của trẻ đảm bảo các mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch giáo dục của giáo viên được rà soát, đánh giá từng tháng đối với mẫu giáo, từng quý đối với nhà trẻ theo từng lĩnh vực và được điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ [H1-1.8-01].

Mức 2:

Hằng tháng, cán bộ quản lý kiểm tra, đánh giá các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ qua dự giờ, thăm lớp, tổ chức thực hiện chuyên đề và đề ra biện pháp chỉ đạo giáo viên, nhân viên thông qua các buổi họp chuyên môn để rút kinh nghiệm và thực hiện đạt hiệu quả [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục đã được xây dựng theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với khả năng của trẻ và tình hình thực tế. Giáo viên thực hiện đầy đủ các chuyên đề theo kế hoạch chăm sóc giáo dục.

3. Điểm yếu

Đôi khi giáo viên chỉnh sửa các nội dung đã được đánh giá, góp ý còn thiếu sót, chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với từng độ tuổi. Phó Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên điều chỉnh nội dung kế hoạch giáo dục theo tuần, tháng để đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường thực hiện thảo luận, lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, thang điểm thi đua, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, tạo được sự đồng thuận nhất trí cao trong Chi bộ Đảng, trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.9-01].

b) Nhà trường có thực hiện hồ sơ tiếp công dân, có đầy đủ các loại sổ theo dõi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Cha mẹ trẻ thường hay kiến nghị về cơ sở vật chất của nhà trường cần trang bị thêm đồ chơi để phục vụ trẻ vui chơi ngoài trời, đội ngũ sư phạm không có kiến nghị [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường có báo cáo tổng kết thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và tổ chức họp mỗi tháng 01 lần để kiểm tra, giám sát các hoạt động, thực hiện kế hoạch [H1-1.1-02]; [H1-1.6-05].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường tổ chức Hội nghị Cán bộ công chức, viên chức để thống nhất và công khai một số nội dung như: Kế hoạch chỉ tiêu nội bộ, tiêu chuẩn thi đua, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, công tác khen thưởng, kỷ luật, công tác tài chính, các khoản thu chi. Cơ chế giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả tại bảng tin công khai của nhà trường, cổng thông tin điện tử của trường, thông qua các cuộc họp Hội đồng sư phạm đến đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. [H1-1.1-02]; [H1-1.9-01].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng quy chế dân chủ. Có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả về các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu

Cha mẹ trẻ thường hay kiến nghị về cơ sở vật chất của nhà trường cần trang bị thêm đồ chơi để phục vụ trẻ vui chơi ngoài trời. 05/35 giáo viên, nhân viên trong trường chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường nghiêm túc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phát huy quy chế dân chủ, công khai, minh bạch trong nhà trường. Hiệu trưởng tiếp thu kiến nghị của cha mẹ trẻ về cơ sở vật chất của nhà trường, đồng thời xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục để trang bị thêm đồ chơi phục vụ trẻ; động viên, khuyến khích, các cá nhân tham gia phát biểu ý kiến trong các cuộc họp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có phương án và quy chế phối hợp với Công an Phường 11 về việc đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học [H1-1.10-01]; phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; có phối hợp với Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy quận Bình Thạnh xây dựng phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ tại đơn vị [H1-1.10-04]; nhà trường có phương án về an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; có hồ sơ phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; có phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]; nhà trường thường xuyên tự kiểm tra và có kế hoạch xây dựng bếp ăn đảm bảo theo quy định của ngành và được Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Sở Y tế Thành phố công nhận bếp ăn đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

Mặt tiền trường ở cơ sở 1, diện tích đường giao thông nhỏ nên cũng ảnh hưởng phần nào trong giờ cao điểm đón và trả trẻ, xe cộ dễ bị ùn tắc.

b) Nhà trường có hộp thư góp ý được gắn ở trước cổng trường, có đường dây nóng qua số điện thoại trường và có lịch tiếp dân dân ở trước cửa văn phòng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân và cha mẹ trẻ em [H1-1.9-02]. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ được làm việc và học tập trong môi trường luôn bảo đảm an toàn tuyệt đối, thường xuyên thông tin với chính quyền địa phương, Công an và Ban Chỉ huy Quân sự Phường 11 phối hợp hỗ trợ công tác an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường đảm bảo cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ được làm việc, học tập trong môi trường an toàn tuyệt đối [H1-1.10-01].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn tôn trọng lẫn nhau, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.9-01].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức phổ biến, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ thực hiện diễn tập các phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]. Mời Cán bộ Trung tâm Y tế quận Bình Thạnh về tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]. Cán bộ quản lý nhà trường tổ chức tập huấn công tác an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]. Phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy quận Bình Thạnh tổ chức diễn tập công tác an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-04]. Hướng dẫn đội ngũ sư phạm phương án về an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]. Liên hệ với Trạm y tế Phường 11 tổ chức tập huấn công tác phòng, chống dịch bệnh cho đội ngũ [H1-1.10-06]. Cán bộ quản lý tổ chức chuyên đề về phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho đội ngũ giáo viên, cha mẹ trẻ [H1-1.10-07].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, bằng cách dự giờ thăm lớp hằng ngày, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Mặt tiền trường ở cơ sở 1, diện tích đường giao thông nhỏ nên cũng ảnh hưởng phần nào trong giờ cao điểm đón và trả trẻ, xe cộ dễ bị ùn tắc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ tiếp tục phân công bảo vệ sắp xếp điều phối luồng xe của phụ huynh. Đồng thời tăng cường công tác an ninh

trật tự trước, trong và sau giờ đón trả trẻ, phân công bảo vệ sắp xếp xe cha mẹ trẻ gọn gàng để không bị kẹt xe.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có xây dựng đề án, kế hoạch chiến lược cụ thể và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt. Có các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trẻ được phân chia theo độ tuổi và 100% trẻ học bán trú. Có các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Điểm yếu cơ bản:

Các biện pháp đề ra nhằm điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chưa đạt hiệu quả cao

Các thành viên trong Hội đồng trường chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác phối hợp và kiểm tra.

Đoàn viên công đoàn còn hạn chế tham gia phong trào đoàn thể.

Nội dung sinh hoạt tổ cấp dưỡng chưa phong phú, chưa đi sâu vào thực hiện nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

Một số giáo viên chưa mạnh dạn sáng tạo trong hoạt động chuyên môn.

Nội dung điều chỉnh kế hoạch giáo dục còn chưa được thực hiện kịp thời.

Cha mẹ trẻ thường hay kiến nghị về cơ sở vật chất của nhà trường cần trang bị thêm đồ chơi để phục vụ trẻ vui chơi ngoài trời.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường. Do đó, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn về đào tạo, có đầy đủ phẩm chất năng lực cần thiết và không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ là vấn đề then chốt để đáp ứng yêu cầu của công việc. Chính vì vậy, nhà trường luôn tập trung công tác đào tạo, nâng cao

chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên để có đủ năng lực chăm sóc và giáo dục trẻ. Với những nỗ lực trong nhiều năm qua, Trường Mầm non 11A đã từng bước có những đổi mới trong công tác đáp ứng tốt những yêu cầu, mục tiêu giáo dục của nhà trường nói riêng và của ngành nói chung. Đồng thời nhà trường luôn tạo được môi trường thân thiện, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng công tác từ năm 2007 đến nay (17 năm). Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục công tác từ năm 2006 đến nay (18 năm), Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng công tác từ năm 2003 đến nay (19 năm). Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đã tốt nghiệp Đại học sư phạm mầm non, có chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục. Cán bộ quản lý đã học qua lớp Trung cấp lý luận chính trị hành chính [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng đều được tập thể giáo viên, nhân viên nhận xét, góp ý, đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H2-2.1-02].

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Hiệu trưởng	Khá	Khá	Khá	Tốt	Tốt
Phó Hiệu trưởng 1	Khá	Khá	Khá	Tốt	Tốt
Phó Hiệu trưởng 2	Khá	Khá	Khá	Tốt	Tốt

c) Cán bộ quản lý được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, phần mềm cơ sở dữ liệu, công thông tin điện tử, mạng nội bộ, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục. Hiệu trưởng được tập huấn thêm lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp phòng, chứng chỉ đào tạo đầu thầu cơ bản đối với lựa chọn nhà thầu, lớp kỹ năng công tác pháp chế ngành giáo dục, khóa tập huấn phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh [H1-1.7-02]; [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng đều được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh nhận xét và đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng ở mức khá. Năm học 2023-2024 Hiệu trưởng, hiệu phó được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng ở mức Tốt [H2-2.1-02].

b) Các cán bộ quản lý đều tham dự đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề, nghe báo cáo thời sự, tham gia đầy đủ các buổi học tập chính trị hè hàng năm và đều đạt kết quả Khá [H1-1.7-01], tất cả cán bộ quản lý đều đã hoàn thành lớp

Trung cấp chính trị hành chính. Cán bộ quản lý được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường [H1-1.4-05].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt chuẩn ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng công tác liên tục trong ngành trên 10 năm, đáp ứng các yêu cầu về phẩm chất đạo đức chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý theo yêu cầu của Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng chưa có bằng Thạc sĩ quản lý giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Những năm học tiếp theo Hiệu trưởng tiếp tục tự bồi dưỡng, học tập và rèn luyện phấn đấu để có bằng Thạc sĩ quản lý giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt

chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Hiện nay, tổng số giáo viên của trường là 24/12 lớp, trong đó nhà trẻ có 06 giáo viên bình quân 10 trẻ/giáo viên; mẫu giáo có 18 giáo viên bình quân 15 trẻ/giáo viên [H1-1.4-02].

b) Có 24/24 giáo viên, tỉ lệ 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó có 17/24 giáo viên đạt trình độ đại học tỉ lệ 70,8%. Năm học 2023-2024 có 03 giáo viên đang tham gia học lớp liên thông từ Cao đẳng lên Đại học sư phạm mầm non [H1-1.4-02].

	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Trên đại học	0	0	0	0	0
Đại học	13/24	17/24	21/24	19/21	21/24

	(54,16%)	(70,8%)	(88%)	(90,5%)	(88%)
Cao đẳng	07/24 (29,16%)	03/24 (12,5%)	03/24 (12%)	02/21 (9,5%)	03/24 (12%)
Trung cấp	04/24 (16,6%)	04/24 (16,6%)	0	0	0

c) Nhà trường có 92% giáo viên được xếp loại từ mức khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-04].

Năm học	Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên		
2019-2020	Tốt: 0 (Tỷ lệ: 0%)	Khá: 05/24 (Tỷ lệ: 21%)	Đạt: 19/24. (Tỷ lệ: 79%)
2020-2021	Tốt: 0 (Tỷ lệ: 0%)	Khá: 18/24 (Tỷ lệ: 75%)	Đạt: 06/24. (Tỷ lệ: 25%)
2021-2022	Tốt: 0 (Tỷ lệ: 0%)	Khá: 24/24 (Tỷ lệ: 100%)	Đạt: 0. (Tỷ lệ: 0%)
2022-2023	Tốt: 04/24 (Tỷ lệ: 19,1%)	Khá: 17/24 (Tỷ lệ: 80,9%)	Đạt: 0. (Tỷ lệ: 0%)
2023-2024	Tốt: 7/24 (Tỷ lệ: 29,2%)	Khá: 15/24 (Tỷ lệ: 62,5%)	Đạt: 02/24 (Tỷ lệ: 8,3%)

Mức 2:

a) 24/24 giáo viên, tỉ lệ 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong đó có 21/24 giáo viên có trình độ đại học tỉ lệ 88%. Trong 05 năm liên tiếp, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định [H1-1.6-03].

b) Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 nhà trường có trên 75% giáo viên được xếp loại từ khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, không có giáo viên xếp loại ở mức đạt. Năm học 2023-2024 nhà trường có 92% giáo viên được xếp loại từ mức khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, 29,2% đạt mức tốt và 8,3% ở mức đạt do là giáo viên mới tuyển dụng [H1-1.4-04].

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo [H1-1.2-02].

Mức 3:

a) Tính đến thời điểm Tháng 12 năm 2023 có 21/24 giáo viên đạt trình độ đại học chuẩn tỉ lệ 87,5%, có 03/24 giáo viên đang theo học đại học tại trường Đại học sư phạm, Đại học Trà Vinh [H1-1.4-04].

b) Năm học 2023-2024, giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá đạt tỷ lệ 92% [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định.

100% giáo viên được đánh giá xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt từ đạt mức Khá trở lên.

3. Điểm yếu

Có 02/24 giáo viên đánh giá ở mức đạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng bồi dưỡng chuyên môn cho 02 giáo viên mới tuyển dụng để đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá .

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập bao gồm 01 kế toán; 01 văn thư; 02 bảo vệ; 01 phục vụ và 04 cấp dưỡng. Hiện tại, trường đang thiếu 01 nhân viên y tế, nhà trường đã phân công cho Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng kiêm nhiệm công tác y tế học đường [H1-1.6-03].

b) Nhân viên của trường được Hiệu trưởng quyết định phân công công tác phù hợp với chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.6-03].

c) Nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường mầm non: Kế toán thực hiện thu chi và báo cáo tài chính; Văn thư chịu trách nhiệm giao nhận, lưu trữ công văn đi và đến; Cấp dưỡng nấu ăn cho trẻ và đội ngũ, thực hiện đầy đủ sổ sách bán trú bao gồm tiếp phẩm thực phẩm, thực hiện sơ chế biến và lưu thức ăn, trường có 3/4 Cấp dưỡng chưa đạt trình độ Trung cấp nấu ăn; Bảo vệ trông giữ tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường và được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định chung. Kết quả: 09/10 nhân viên đều đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ nhiều năm liền (đạt 100%) (thông qua bảng nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức và viên chức hằng năm) [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.6-03]. Trường đang thiếu 01 nhân viên y tế trường học. Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng kiêm nhiệm công tác nhân viên y tế.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-02].

Mức 3:

a) Kế toán có trình độ Trung cấp kế toán; Văn thư có trình độ Trung cấp văn thư lưu trữ. Nhà trường có 4/4 Cấp dưỡng đã được tập huấn lớp Vệ sinh an toàn thực phẩm và có trình độ sơ cấp nấu ăn, 01 Cấp dưỡng có trình độ Trung cấp nấu ăn [H1-1.6-03]. Tuy nhiên, bảo vệ chưa qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ.

b) Hằng năm, bộ phận nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm như: Tập huấn công tác tài chính kế toán, tập huấn công tác văn thư lưu trữ, tập huấn công tác y tế trường học, tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm, tập huấn sơ cấp cứu, tập huấn truyền thông phòng chống dịch bệnh [H1-1.7-02].

2. Điểm mạnh

Nhân viên được phân công công việc theo quy định, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm trong công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Trường đang thiếu nhân viên y tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ tuyển 01 nhân viên y tế học đường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được cơ cấu theo quy định Điều lệ trường mầm non. Cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và được đánh giá chuẩn nghề nghiệp hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định. Nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công.

Điểm yếu cơ bản:

Có 02 giáo viên mới tuyển dụng đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt.

Trường đang thiếu 01 nhân viên y tế

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

Mở đầu

Cơ sở vật chất trong trường mầm non là điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đầu tư cơ sở vật chất chính là tạo ra môi trường sư phạm có đầy đủ trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi, từ đó tạo cho trẻ môi trường hoạt động hấp dẫn mang tính giáo dục cao đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc chăm sóc giáo dục trẻ. Chính vì vậy, song song với việc nâng chất lượng đội ngũ, Trường Mầm non 11A đã từng bước bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trong nhà trường.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có hai cơ sở, có tổng diện tích đất sử dụng là 2812,87m², diện tích sử dụng bình quân $2812,87/255 = 11\text{m}^2/\text{trẻ}$, đạt diện tích sử dụng bình quân tối thiểu cho 01 trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Hai cơ sở trường đều có cổng, biển tên trường, tường, hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02].

c) Trường có hai cơ sở đều có sân chơi cho trẻ hoạt động với diện tích sân chơi ở cơ sở 01 là 352m², diện tích sân chơi ở cơ sở 02 là 322m², có cây xanh, bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng. Tuy nhiên, sân chơi ở cơ sở 474 Lê Quang Định còn hạn chế về diện tích, chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu cây xanh tạo bóng mát trong sân trường, trường đã tận dụng sân thượng trên lầu để bố trí cho trẻ chơi với đồ chơi ngoài trời và khu vực trồng rau cho trẻ hoạt động [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình 2 cơ sở $867,83/2812,87\text{m}^2 = 31\%$ đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, bãi tập) là $1074,67/2812,87\text{m}^2 \times 100\% = 38,20\%$ đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều mảng cỏ xanh tạo sự mát mẻ và mỹ quan cho sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có góc cây xanh tại các lớp cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02].

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, khu vực trẻ chơi ngoài trời ở 2 cơ sở được lát gạch. Trong sân trường có các loại đồ chơi cho trẻ chơi như đu quay, cầu trượt, xích đu, khung chui, bóng rổ, có khu vực chơi các trò chơi vận động, khu vực chơi riêng cho trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo. Tuy nhiên đồ chơi ở cơ sở 1 quá cũ, chưa đa dạng cần được trang bị mới [H1-1.4-06]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Ở cơ sở 1, nhà trường đã tận dụng diện tích đất ở các tầng để phân chia khu vực sân chơi cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi, tuy nhiên diện tích sân chơi không nhiều nên cũng có một phần ảnh hưởng đến lượng vận động của trẻ. Sân chơi ngoài trời có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế [H1-1.4-06]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường có các công trình được xây dựng kiên cố theo quy định.

Sân chơi đảm bảo an toàn và có đồ chơi theo quy định.

3. Điểm yếu

Đồ chơi ngoài trời ở cơ sở 1 chưa đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì, đảm bảo môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. Hiệu trưởng xây dựng kế

hoạch phối kết hợp với cha mẹ trẻ trang bị đồ chơi ngoài trời như tạo góc thiên nhiên, bố trí, sắp xếp góc chơi tăng cường vận động cho trẻ cho ở cơ sở 1.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cơ sở 01 Trường Mầm non 11A có 08 phòng học được sắp xếp và bố trí cho 02 nhóm nhà trẻ và 06 lớp mẫu giáo [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Cơ sở 02 Trường Mầm non 11A có 04 phòng học được sắp xếp và bố trí cho 01 nhóm nhà trẻ và 03 lớp mẫu giáo [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Nhà trường có 12 phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ của trẻ được sử dụng chung. Nhà trường có 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng giáo dục thể chất đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.1-01].

c) Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt, máy lạnh được trang bị ở các phòng, đảm bảo ánh sáng tự nhiên, phòng thoáng mát. Mỗi lớp đều được trang bị đầy đủ tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, các học liệu cần thiết cho trẻ hoạt động. Tuy nhiên dụng cụ giáo dục thể chất đã hư hỏng như dụng cụ ném, ván dốc, bục bật sâu, cần được trang bị mới để tổ chức các hoạt động phát triển thể chất [H1-1.4-06].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ được sử dụng chung, $561,80/275 = 2,63\text{m}^2$, phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 55m^2 , phòng giáo dục thể chất có diện tích 55m^2 chưa đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Tất cả các phòng ở nhóm, lớp và phòng chức năng đều được trang bị tủ, kệ, thùng đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.1-02].

Mức 3:

Không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, nhà trường không tổ chức cho trẻ học tin học và âm nhạc [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Phòng sinh hoạt chung kết hợp phòng ngủ của trẻ đảm bảo yêu cầu về ánh sáng, an toàn và được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng phục vụ cho trẻ.

Nhà trường trang bị đầy đủ hệ thống tủ, giá đựng đồ chơi, tài liệu đảm bảo theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

3. Điểm yếu

Diện tích các phòng chức năng chưa đảm bảo theo quy định; các dụng cụ, đồ dùng phòng giáo dục thể chất đã cũ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục lên kế hoạch trang bị mua sắm bổ sung đồ dùng, dụng cụ phòng giáo dục thể chất cho cháu để tạo sự hứng thú, tăng cường lượng vận động cho trẻ khi tham gia hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị.

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đủ các loại phòng theo quy định: Văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trường không có phòng nghỉ cho cấp dưỡng, vì vậy nhà trường bố trí cho cấp dưỡng nghỉ trưa ở phòng đa chức năng [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ các bảng biểu, bàn ghế, máy vi tính, máy in, tủ hồ sơ, amply phục vụ cho hội họp, sinh hoạt chuyên môn. Phòng Y tế có đầy đủ các thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ, có cân điện tử, thước đo, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe trẻ và phác đồ sơ cấp cứu, có các loại sổ sách theo dõi sức khỏe trẻ theo yêu cầu. Nhà vệ sinh

có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H1-1.4-06]; [H3-3.1-02].

c) Có khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên ở trước cổng trường, được trang bị mái che. Các bình chữa cháy CO₂ bố trí hợp lý ở bếp, ở khu vực bình gaz, khu vực để xe, các góc cầu thang [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có các loại phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: phòng Hiệu trưởng diện tích 21,35m², phòng Phó Hiệu trưởng ở cơ sở 1 diện tích 49m², phòng Phó Hiệu trưởng ở cơ sở 2 có diện tích 17m², phòng hành chính diện tích 31,5m², phòng y tế ở cơ sở 1 có diện tích 14m², phòng y tế ở cơ sở 2 có diện tích 12m², phòng bảo vệ có diện tích 4m², có 03 phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên diện tích 25m²[H3-3.1-01], tuy nhiên diện tích phòng bảo vệ chưa đạt.

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi, khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên diện tích 40m² [H3-3.1-01].

Mức 3:

Có các phòng nhưng chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

2. Điểm mạnh

Trường có các loại phòng theo quy định, được trang bị đầy đủ các phương tiện, đồ dùng phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong công tác.

3. Điểm yếu

Diện tích phòng bảo vệ chưa đạt yêu cầu, chưa có phòng nghỉ cho nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì việc hoạt động có hiệu quả các phòng ban. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng sử dụng thêm vách ngăn di động tạo phòng nghỉ cho nhân viên ở phía trước khu vực bếp; Hiệu trưởng tham mưu với cấp lãnh đạo có kế hoạch coi nói phòng bảo vệ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố ở khu riêng biệt trên tầng 02 theo quy trình bếp một chiều, trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ học bán trú, công tác an toàn vệ sinh thực phẩm được đảm bảo [H3-3.1-02].

b) Nhà trường không có kho đựng thực phẩm. Tuy nhiên, nhà trường có sử dụng tủ đựng thực phẩm và đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.1-02].

c) Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng lưu mẫu theo quy định như: tủ lạnh, hộp đựng mẫu lưu bằng inox, nhiệt kế; thực hiện lưu mẫu thức ăn được bảo quản riêng biệt với các thực phẩm khác, nhiệt độ bảo quản mẫu thức ăn lưu từ 2°C đến 8°C theo quy định của Bộ Y tế [H3-3.1-02]; [H3-3.4-01].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non với diện tích 120 trẻ bình quân 0,5m²/trẻ, gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Nhà bếp được trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm bằng inox đảm bảo vệ sinh, an toàn thực

phẩm; có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm; có đủ nước sử dụng đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định; dùng nước tinh khiết Ion Life có hợp đồng cụ thể rõ ràng về trách nhiệm, đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo yêu cầu thiết kế trường mầm non, thông thoáng, có đủ ánh sáng; tường, trần nhà và sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, không có các khe rãnh, góc cạnh, gờ dễ bám bụi, chất bẩn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng; bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện được làm bằng inox dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng; dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu inox dễ làm vệ sinh; có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn; các dụng cụ chứa đựng rác được làm bằng vật liệu nhựa chắc chắn, có nắp đậy và làm vệ sinh hàng ngày [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn đủ diện tích, được xây dựng kiên cố và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều.

3. Điểm yếu

Nhà bếp chưa có vách ngăn khu vực rửa trái cây và đồ tươi sống.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện quy trình bếp một chiều, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) *Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*
- b) *Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*
- c) *Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non như: Tivi, bàn, ghế, mô hình răng, bàn chải đánh răng trẻ em, vòng thẻ đục, gậy thẻ đục, công chui, bóng các loại, đất nặn, bút sáp, tủ đựng nệm gối, kệ để đồ chơi và học liệu, búp bê. Các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, vui chơi, sinh hoạt đem lại hiệu quả cao [H1-1.4-06].

b) Nhà trường có trang bị các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục cho các lớp. Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục chỉ đạo, vận động giáo viên và trẻ các lớp sử dụng các nguyên vật liệu sẵn có để tạo ra các đồ dùng - đồ chơi mới lạ, có tính giáo dục, đảm bảo an toàn và làm phong phú hơn cho các hoạt động của trẻ [H1-1.4-06].

c) Cuối học kỳ I, cuối năm học cán bộ, giáo viên, nhân viên kiểm kê, sửa chữa đồ dùng, đồ chơi để đảm bảo an toàn cho trẻ trong khi sử dụng [H1-1.4-06].

Mức 2:

a) Nhà trường có 06 máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, 12 máy phục vụ cho hoạt động dạy học [H1-1.4-06]. Tuy nhiên, hệ thống máy vi tính các lớp đã cũ, tốc độ truy cập mạng internet yếu.

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non: Bàn, ghế của trẻ đúng quy cách và đủ cho số trẻ trong lớp; có tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu; có đầy đủ hệ thống đèn, quạt, máy lạnh cho các lớp [H1-1.4-06].

c) Hằng năm, nhà trường có bổ sung thêm các thiết bị dạy học ngoài danh mục tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 [H1-1.4-06]. Các thiết bị dạy học do giáo viên tự làm phù hợp với từng lứa tuổi và mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non. Tuy nhiên, đồ chơi ở các góc của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao [H3-3.5-01].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được giáo viên sử dụng để tổ chức hoạt động lễ hội cho trẻ, tổ chức các hoạt động ngoài trời, đồ chơi giúp giáo viên nâng cao sự sáng tạo trong công tác, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Đồ chơi ở các góc của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao [H3-3.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định và đồ chơi tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ, được giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Đồ chơi ở các góc của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao. Kệ góc chơi các lớp đã cũ, hệ thống máy vi tính các lớp đã cũ, tốc độ truy cập mạng internet yếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo cán bộ quản lý chỉ đạo, động viên giáo viên đẩy mạnh hiệu quả việc sáng tạo đồ dùng - đồ chơi nhằm làm phong phú các hoạt động học và chơi của trẻ. Phó Hiệu trưởng tham mưu với Hiệu trưởng trang bị thêm một số kệ góc chơi, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp, nâng cấp máy tính ở các lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khô ráo, thoáng mát đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận lợi cho việc sử dụng, nhà trường không có trẻ khuyết tật [H3-3.1-01].

b) Hệ thống thoát nước, cống rãnh luôn thông thoáng đảm bảo vệ sinh môi trường; nguồn nước uống, nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ được xét nghiệm 06 tháng/lần đảm bảo đủ, an toàn khi sử dụng [H1-1.10-02].

c) Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường như: Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ để chứa đựng và phân loại rác; các dụng cụ này thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Được đơn vị Vệ sinh môi trường Thống Nhất thu gom rác hằng ngày đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-01].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Phòng vệ sinh cho trẻ có diện tích $171\text{m}^2/255$ đạt $0,7\text{m}^2/\text{trẻ}$; đối với trẻ mẫu giáo có chỗ riêng cho bé trai, bé gái. Phòng vệ sinh của trẻ được xây dựng riêng có vách ngăn cho bé trai và bé gái với đầy đủ các thiết bị của mỗi lớp và như: 03 bồn rửa tay, 04 bồn cầu, thêm 03 bồn tiểu đối với nhà vệ sinh bé trai, đảm bảo 08 trẻ/bồn rửa tay theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Có phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế: Nhà trường sử dụng nguồn nước của Công ty cấp nước Gia Định đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt [H1-1.10-02].

2. Điểm mạnh

Khu vực vệ sinh cho trẻ có đầy đủ các thiết bị đồ dùng. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác hằng ngày không gây ô nhiễm môi trường.

3. Điểm yếu

Nơi thu gom, chứa đựng rác sinh hoạt chưa tách riêng biệt theo khu vực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xử lý rác thải theo quy định. Thực hiện cải tạo khu vực ngăn nơi chứa rác sinh hoạt riêng biệt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường được xây dựng kiên cố khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn; số phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi. Bếp ăn được tổ chức theo dây chuyền một chiều, thức ăn được lưu hàng ngày. Các lớp có đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Xử lý rác thải hàng ngày, không gây ô nhiễm môi trường.

Điểm yếu cơ bản:

Đồ chơi ngoài trời ở cơ sở 1 của trường chưa đa dạng.

Diện tích các phòng chức năng chưa đảm bảo theo quy định; các dụng cụ, đồ dùng phòng giáo dục thể chất đã cũ.

Diện tích phòng bảo vệ chưa đạt yêu cầu, chưa có phòng nghỉ cho nhân viên.

Nơi thu gom , chứa đựng rác sinh hoạt chưa tách riêng biệt theo khu vực

Đồ chơi ở các góc của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao. Kệ góc chơi các lớp đã cũ, hệ thống máy vi tính các lớp đã cũ, tốc độ truy cập mạng internet yếu.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Mở đầu

Trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường và Ban đại diện cha mẹ các lớp, được tổ chức hoạt động theo đúng quy định. Nhà trường luôn chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Giáo viên các lớp xây dựng góc tuyên truyền và cung cấp đầy đủ các nội dung trẻ học ở trường mầm non tới cha mẹ trẻ.

Nhà trường luôn làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để nâng chất lượng chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường tiến hành họp cha mẹ trẻ ở các lớp và bầu ra Ban đại diện cha mẹ của mỗi lớp gồm 03 thành viên. Sau đó nhà trường tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ trẻ toàn trường và bầu ra 05 thành viên gồm: 01 Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban và 03 thành viên. Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch như phối hợp với giáo viên trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại nhà trường; tham gia tuyên truyền kiến thức nuôi dạy con đến cha mẹ trẻ toàn trường; phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động phong trào cho trẻ tham gia và ban hành Nghị quyết hoạt động theo từng năm học [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đảm bảo đúng tiến độ; định kỳ tổ chức họp 03 lần/năm học để đề ra kế hoạch, sơ kết, tổng kết công tác đã thực hiện [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục chăm sóc, giáo dục trẻ, hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ thông qua các buổi họp cha mẹ trẻ của trường [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ có phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, tham dự các hoạt động theo kế hoạch của trường như: Hoạt động ngoại khóa, tham quan, lễ hội, vui chơi của trẻ, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm trong nhà trường. Phối hợp với giáo viên trong việc giáo dục trẻ có nhận thức hiểu biết về thế giới xung quanh, các kiến thức về âm nhạc, văn học, giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, khuyến khích trẻ đi học đầy đủ, đúng giờ [H4-4.1-01]. Tuy nhiên, vẫn còn một số cha mẹ trẻ tuổi còn nhỏ hoặc bận đi làm thường giao con cho ông bà, anh chị đưa đón và chăm sóc nên việc phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ chưa đạt hiệu quả cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số cha mẹ trẻ tuổi còn nhỏ hoặc bận đi làm thường giao con cho ông bà, anh chị đưa đón và chăm sóc nên việc phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì và phối hợp có hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ

năm học và các hoạt động giáo dục. Hiệu trưởng và Ban đại diện cha mẹ trẻ thảo luận tìm biện pháp phối hợp với các cha mẹ trẻ quan tâm hơn trong việc quan tâm chăm sóc giáo dục trẻ được tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục: công tác huy động trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp, thực hiện hồ sơ Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, hỗ trợ trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.10-01]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường có các biện pháp và hình thức để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường: Thông qua các cuộc họp của cha mẹ trẻ của lớp, bảng tuyên truyền của trường, lớp, sổ bé ngoan, sổ liên lạc hằng tháng, trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ trẻ ở giờ đón, trả trẻ, phát thanh vào giờ đón trả trẻ [H4-4.1-01].

c) Nhà trường huy động sự tham gia đóng góp tự nguyện của các cá nhân mạnh thường quân và Ban đại diện cha mẹ trẻ vận động cha mẹ trẻ tự nguyện đóng góp thực hiện công trình của Ban đại diện cha mẹ trẻ trang bị đồ dùng, đồ chơi, quà thưởng cho các cháu cuối năm [H4-4.1-01]; [H4-4.2-03].

Mức 2:

a) Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thông qua các buổi họp giao ban Bí thư Chi bộ tại Đảng ủy Phường 11, buổi họp Hội Khuyến học Phường 11 về công tác huy động trẻ ra lớp, an ninh trật tự ngoài cổng trường, trao học bổng cho trẻ [H1-1.3-04].

b) Nhà trường phối hợp với Công an Phường 11 đảm bảo an ninh trật tự trong tổ chức các hoạt động lễ hội bé đến trường, lễ hội tổng kết năm học [H1-1.10-01], phối hợp với Phường đội 11 tổ chức lễ hội 22/12 [H4-4.2-03].

Mức 3:

Hiệu trưởng tham mưu tốt với chính quyền. Tuy nhiên công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Phường 11 hiệu quả chưa cao, chưa thu hút vận động được sự đóng góp hỗ trợ về vật chất tài chính để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.6-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng tham mưu tốt với chính quyền: Phối hợp với Công an Phường 11 và Phường đội 11 để đảm bảo an ninh trật tự và tổ chức các hoạt động lễ hội.

3. Điểm yếu

Công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Phường 11 hiệu quả chưa cao, chưa thu hút vận động được sự đóng góp hỗ trợ về vật chất tài chính.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu tốt với chính quyền, phối hợp có hiệu quả hơn với các tổ chức, cá nhân vận động hỗ trợ về vật chất, phối hợp tổ chức các hoạt động để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động đúng theo Điều lệ. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội để thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

Vẫn còn một số cha mẹ trẻ tuổi còn nhỏ hoặc bận đi làm thường giao con cho ông bà, anh chị đưa đón và chăm sóc nên việc phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ chưa đạt hiệu quả cao.

Công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Phường 11 hiệu quả chưa cao, chưa thu hút vận động được sự đóng góp hỗ trợ về vật chất tài chính.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Mở đầu

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non là nền tảng cho các bậc học tiếp theo. Chính vì vậy, việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non là nhiệm vụ hàng đầu và là yếu tố đầu tiên để hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Mức 1:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) *Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;*
- b) *Hàng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, riêng khối mẫu giáo (5-6 tuổi) có sử dụng thêm Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi trong việc lập kế hoạch theo chương trình Mindjet Mindmanager phù hợp từng độ tuổi và khả năng của trẻ [H1-1.8-01].

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và

Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh; với điều kiện thực tế nhà trường thông qua các tiết thao giảng chuyên đề trọng tâm của từng năm học [H1-1.4-07], tiết dự giờ hằng tháng, các buổi sinh hoạt của tổ chuyên môn [H1-1.4-03].

c) Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua mạng nội bộ kiểm tra kế hoạch giáo viên, qua các tiết dự giờ đột xuất và báo trước để đánh giá rút kinh nghiệm nhằm giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời trong việc thực hiện. Hằng tháng, qua các buổi họp chuyên môn, đánh giá, rút kinh nghiệm để có hướng bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên, nhân viên nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) 24/24 tỷ lệ 100% giáo viên có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đúng theo kế hoạch giáo dục, đảm bảo chất lượng chuyên môn [H1-1.8-01].

b) Nhà trường có bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên biết lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục nhằm phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Qua tổ chức giờ học, giờ chơi nhằm giúp trẻ phát huy tính tích cực, củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đúng quy định, áp dụng hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương. Tuy nhiên, nhà trường chưa đẩy mạnh việc xây dựng việc xây dựng môi trường nhóm lớp theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhất là việc sử dụng sản phẩm của trẻ trang trí lớp thân thiện - thẩm mỹ. Các bài tập góc chơi, chưa thấy được các bài tập theo khả năng của trẻ theo quan điểm tiếp cận cá nhân, chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.8-01].

b) Hằng năm, nhà trường có tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, từ đó có biện pháp để điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua báo cáo hằng tháng và triển khai trong các buổi họp [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá theo định kỳ và có biện pháp điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương nhằm giúp giáo viên, nhân viên thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả theo yêu cầu.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đẩy mạnh việc xây dựng môi trường nhóm lớp theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhất là việc sử dụng sản phẩm của trẻ trang trí lớp thân thiện - thẩm mỹ. Các bài tập góc chơi, chưa thấy được các bài tập theo khả năng của trẻ theo quan điểm tiếp cận cá nhân, chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, cán bộ quản lý tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non và tham gia các buổi bồi dưỡng chuyên môn về chương trình giáo dục của các nước trên thế giới do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh tổ chức. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục hướng dẫn, gợi ý giáo viên biết lựa chọn nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động nhận thức nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) 24/24 tỷ lệ 100% giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp thực hành, trải nghiệm tổ chức các hoạt động theo hình thức cá nhân, nhóm, trong lớp, ngoài trời trong ngày cho trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và khả năng của trẻ, điều kiện nhà trường. Trẻ tham gia hoạt động hứng thú, tích cực, phát triển kiến thức, kỹ năng, vốn từ, được tham gia các hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H1-1.8-01].

b) Căn cứ vào điều kiện nhà trường, nhu cầu vui chơi học tập của trẻ, Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên xây dựng môi trường học tập và vui chơi theo đúng tinh thần của chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”. Môi trường giáo dục do giáo viên tổ chức đã thể hiện tính giáo dục, khoa học, thẩm mỹ, gắn giờ học với cuộc sống thực tế giúp trẻ hứng thú trong vui chơi, tích cực trong học tập, được trải nghiệm khám phá mở rộng các kiến thức, kỹ năng sống phù hợp độ tuổi [H4-4.2-03].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế như: Tổ chức các hoạt động Lễ hội Bé vui đến trường; Lễ hội Trung thu; bé chúc mừng cô 20/11; bé vui Noel; bé vui đón Xuân; bé mừng mẹ và cô ngày 8 tháng 3; lễ tổng kết năm học và lễ ra trường các bé 5 tuổi. Tổ chức cho trẻ tham quan các khu du lịch lịch sử tại địa

phương: Đèn thờ Hai Bà Trưng; tham quan trường Tiểu học Bế Văn Đàn [H4-4.2-03].

Mức 2:

Thông qua các hoạt động trong ngày, 24/24 tỷ lệ 100% giáo viên tổ chức cho trẻ thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú và điều kiện thực tế của nhà trường. Qua các giờ học đó, đội ngũ giáo viên đã tận dụng hiệu quả các giáo cụ trực quan sinh động xung quanh trường lớp tạo nhiều cơ hội cho trẻ tiếp thu kiến thức một cách hứng thú, tự nhiên, học tập tích cực phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường [H5-5.1-01].

Mức 3:

21/24 tỷ lệ 87,5% giáo viên tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H3-3.1-02]. Tuy nhiên, giáo viên chưa thay đổi kịp thời môi trường lớp theo chủ đề, các bài tập ở góc chơi chưa phong phú, đa dạng và mang tính phát triển phù hợp với khả năng của từng trẻ.

2. Điểm mạnh

100% giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động và xây dựng môi trường giáo dục theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế.

3. Điểm yếu

Giáo viên chưa thay đổi kịp thời môi trường lớp theo chủ đề, các bài tập ở góc chơi chưa phong phú, đa dạng và mang tính phát triển phù hợp với khả năng của từng trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động và xây dựng môi trường giáo dục theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chăm

sóc giáo dục nhắc nhở giáo viên kịp thời xây dựng môi trường nhằm kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế quận Bình Thạnh và Trạm y tế Phường 11 trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, uống vaccine và thực hiện lịch tiêm chủng mở rộng theo quy định của Bộ Y tế [H5-5.3-01].

b) Tháng 5 năm 2024, nhà trường có 255/255 tỷ lệ 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và tích cực nhằm giúp trẻ khỏe mạnh, cơ thể hài hòa cân đối; các biện pháp đã tổ chức thực hiện như: Đối với trẻ suy dinh dưỡng (tăng cường thêm bữa phụ: Phô-mai, trứng gà, sữa; xây dựng thực đơn giàu dinh dưỡng); đối với trẻ thừa cân béo phì (tăng cường cho trẻ vận động vào giờ thể dục sáng, hoạt động giữa giờ, thực hiện cho trẻ ăn thêm rau, giảm tinh bột; tuyên truyền với cha mẹ cho trẻ uống sữa ít béo, ăn trái cây). Tháng 9/2023, nhà trường có 7/255 tỷ lệ 2,7% trẻ suy dinh dưỡng và 17/255 tỷ lệ 6,6% trẻ thừa cân, béo phì. Tuy nhiên, tính đến thời điểm tháng 5/2024, số trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi là 7/7 tỷ lệ 100%; trẻ thừa cân, béo phì đứng cân được phục hồi 03/17 tỷ lệ 18% [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04].

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua buổi họp cha mẹ trẻ và trong giờ đón, trả trẻ [H4-4.2-02]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-03].

b) Nhà trường có xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Tính từ tháng 7/2022 đến nay, nhu cầu năng lượng của 01 trẻ trong một ngày đạt khoảng 619 Kcal tại trường chiếm 52%. Số bữa ăn tại trường: 01 bữa chính và 02 bữa phụ. Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 37% năng lượng cả ngày, bữa phụ cung cấp từ 15% năng lượng cả ngày [H5-5.3-05].

c) Tháng 9/2023, nhà trường có 7/255 tỷ lệ 2,7% trẻ suy dinh dưỡng và 17/255 tỷ lệ 6,6% trẻ thừa cân, béo phì. Tuy nhiên, tính đến thời điểm tháng 5/2024, số trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi là 7/7 tỷ lệ 100%; trẻ thừa cân, béo phì đứng cân được phục hồi 03/17 tỷ lệ 18% [H5-5.3-03].

Mức 3:

Nhà trường có 231/255 tỷ lệ 91% trẻ khỏe mạnh, có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường [H5-5.3-0.3].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Có xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và có các biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì còn cao và 82% trẻ thừa cân béo phì đứng cân chưa được cải thiện so với đầu năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, cán bộ quản lý phối hợp với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. Thực hiện tốt việc theo dõi trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và có các biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tăng cường lượng vận động và phối hợp với cha mẹ trẻ trong việc cải thiện chế độ dinh dưỡng cho trẻ thừa cân, béo phì.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tính đến tháng 5/2024, tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt tỷ lệ 95%. Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ đạt tỷ lệ hơn 85%, trẻ 3-4 tuổi đạt tỷ lệ hơn 87%, 4-5 tuổi đạt hơn 88% [H1-1.5-02].

b) Năm học 2019-2020 đến nay, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non luôn đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

Mức 2:

a) Tính đến tháng 5/2023, tỷ lệ chuyên cần đạt trẻ 5 tuổi đạt 95%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 87% [H1-1.5-02]. Tuy nhiên tỷ lệ chuyên cần trẻ nhà trẻ đạt chưa cao

b) 68/68 tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H4-4.2-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 3:

a) 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H4-4.2-01].

b) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trẻ 5 tuổi luôn đạt tỷ lệ chuyên cần 95% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non tỷ lệ 100%.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ đạt chưa cao,

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phối hợp với các đoàn thể và phụ huynh thực hiện tốt đề án phổ cập giáo dục mầm non và duy trì được tỷ lệ chuyên cần của trẻ, nâng cao thể lực của trẻ nhóm Nhà trẻ nhằm từng bước nâng cao tỷ lệ chuyên cần của trẻ Nhà trẻ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non 100%. Phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa đẩy mạnh việc xây dựng môi trường nhóm lớp theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm nhất là việc sử dụng sản phẩm của trẻ trang trí lớp thân thiện - thẩm mỹ. Các bài tập góc chơi, chưa thấy được các bài tập theo khả năng của trẻ theo quan điểm tiếp cận cá nhân, chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

Giáo viên chưa thay đổi kịp thời môi trường lớp theo chủ đề, các bài tập ở góc chơi chưa phong phú, đa dạng và mang tính phát triển phù hợp với khả năng của từng trẻ.

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì còn cao và 82% trẻ thừa cân béo phì đứng cân chưa được cải thiện so với đầu năm học.

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ đạt chưa cao

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Thực hiện quy trình kiểm định chất lượng trường mầm non, Trường Mầm non 11A đã triển khai và tiến hành công tác tự đánh giá để tự xem xét về hiện trạng và hiệu quả các hoạt động giáo dục; qua đó chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Công tác tự đánh giá không chỉ giúp nhà trường có cái nhìn tổng quát về thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục mà còn giúp nhà trường hiểu rõ mức độ yêu cầu cần đạt được của từng chỉ báo, từng tiêu chí cụ thể. Việc xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu giúp nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng thích hợp hơn nhằm đạt mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Với mục tiêu xây dựng và phát triển nhà trường ngày càng vững mạnh, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ Trường Mầm non 11A không ngừng cố gắng duy trì và phát huy những điểm mạnh. Bên cạnh đó nhằm đẩy mạnh chất lượng giáo dục của nhà trường, cán bộ quản lý đã có sự quan tâm, chỉ đạo các hoạt động quản lý tài chính, cơ sở vật chất, cũng như phối hợp tốt với các lực lượng tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường, góp phần vào việc chăm sóc giáo dục trẻ đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2, Mức 3:

+ Mức 1:

* Các tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%.

* Các tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ 00%.

+ Mức 2:

* Các tiêu chí đạt: 21/25, tỷ lệ: 84%.

* Các tiêu chí không đạt: 04/25, tỷ lệ: 16%.

+ Mức 3:

* Các tiêu chí đạt: 01/19, tỷ lệ: 5,2%.

* Các tiêu chí không đạt: 18/19, tỷ lệ: 94,7%.

Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 2.

Căn cứ theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Trường Mầm non 11A đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2./.

Bình Thạnh, ngày 11 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Phần IV. PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2019-2025.	Số 154a/KH-MN11A ngày 05/11/2020	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.1-02]	Biên bản họp Hội đồng sư phạm	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H1-1.1-03]	Cổng thông tin điện tử nhà trường.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Cán bộ quản lý	Máy tính nhà trường
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch năm, tháng. Đánh giá công tác tháng. Sơ kết học kỳ, tổng kết công tác năm học.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ thi đua khen thưởng.	Năm học 2019-2020	Hiệu trưởng	Văn phòng

			đến 2023-2024		
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ khoa học xét duyệt sáng kiến.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng Văn phòng
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ Hội đồng chấm thi giáo viên cấp trường.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng Văn phòng
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ công đoàn.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Chủ tịch Công đoàn Văn phòng
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ chi đoàn.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Bí thư Chi đoàn Văn phòng
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Chi hội Chữ thập đỏ.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Chủ tịch Chi hội Chữ thập đỏ Văn phòng
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Hội khuyến học.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Chi hội trưởng Hội Khuyến học Văn phòng
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ chi bộ.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Bí thư Chi bộ Văn phòng
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ bổ nhiệm cán bộ quản lý.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh Văn phòng
	2	[H1-1.4-02]	Đề án vị trí việc làm và các	Năm học 2019-2020	Hiệu trưởng Văn phòng

			quyết định thành lập tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	đến 2023-2024		
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Tổ trưởng	Tổ trưởng
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ đánh giá xếp loại công chức, viên chức.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ quản lý tài sản.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Văn phòng
	7	[H1-1.4-07]	Hồ sơ chuyên đề chăm sóc giáo dục.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ quản lý trẻ em (danh bạ học sinh)	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư
2		[H1-1.5-02]	Sổ điểm danh.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư	Văn phòng
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ công văn đi, đến.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư	Văn phòng

	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ quản lý tài chính (dự toán, chứng từ thu, chi, báo cáo tài chính); Biên bản kiểm tra về tài chính; Kế hoạch mua sắm sửa chữa hàng năm.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán	Văn phòng
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ quản lý nhân sự.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư	Văn phòng
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ quản lý chuyên môn.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Chủ tịch công đoàn	Văn phòng
	6	[H1-1.6-06]	Hợp đồng phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng; internet; IMAS	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ công tác đào tạo, bồi dưỡng; kết quả học tập chính trị hệ; hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng

	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Giáo viên	Văn phòng
	2	[H1-1.8-02]	Biên bản họp chuyên môn.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Quy chế dân chủ.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ tiếp dân; Hình ảnh hộp thư góp ý và khu vực tiếp dân.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học; Sổ trực bảo vệ.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ an toàn thực phẩm (Hợp đồng thực phẩm, phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm; biên bản kiểm tra cấp trên; phiếu xét nghiệm nước). Giấy chứng nhận đủ điều kiện	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng

		An toàn thực phẩm.			
	3	[H1-1.10-03] Hồ sơ phòng, chống tai nạn thương tích.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	4	[H1-1.10-04] Hồ sơ phòng cháy chữa cháy.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng
	5	[H1-1.10-05] Hồ sơ an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng
	6	[H1-1.10-06] Hồ sơ phòng, chống dịch bệnh.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng
	7	[H1-1.10-07] Hồ sơ phòng, chống các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01] Hồ sơ cá nhân của cán bộ quản lý.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H2-2.1-02] Hồ sơ đánh giá xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01] Hồ sơ thiết kế xây dựng trường.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H3-3.1-02] Hình ảnh toàn cảnh nhà trường.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư	Văn phòng

Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Sổ lưu mẫu thức ăn.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán	Văn phòng
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hình ảnh đồ dùng, đồ chơi giáo viên tự làm.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Văn phòng
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hợp đồng thu gom, xử lý chất thải.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H4-4.2-02]	Sổ liên lạc, sổ bé ngoan.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Giáo viên	Nhóm, Lớp
	3	[H4-4.2-03]	Hình ảnh hoạt động của nhà trường (lễ hội, tham quan, hoạt động học của trẻ, phong trào, môi trường lớp, sản phẩm của trẻ).	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng
Tiêu chí 5.1	3	[H5-5.1-01]	Phiếu dự giờ giáo viên.	Năm học 2019-2020	Phó Hiệu	Văn phòng

				đến 2023-2024	trưởng	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hồ sơ y tế trường học.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng
	2	[H5-5.3-02]	Sổ theo dõi sức khỏe trẻ.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng
	3	[H5-5.3-03]	Sổ lưu cân.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng
	4	[H5-5.3-04]	Hồ sơ báo cáo chuyên đề chăm sóc nuôi dưỡng.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng
	5	[H5-5.3-05]	Khẩu phần dinh dưỡng học sinh.	Năm học 2019-2020 đến 2023-2024	Phó Hiệu trưởng	Văn phòng